

Số : 263 /QĐ-BQLKKTQP

Phú Quốc, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống Việt Anh tại xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 23.912,09m².

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Xây dựng, ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị, ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP, ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP, ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 11/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 868/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh cục bộ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030; Quyết định số 486/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều

chính cục bộ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1588/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ cho Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 2423/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu dân cư nông thôn và Trung tâm xã Gành Dầu tại xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 1.315.000m² - tỷ lệ 1/2000,;

Căn cứ Công văn số 1702/VP-KTCN ngày 08/5/2014 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh ranh dự án Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Anh tại ấp Chuông Vích, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Thông báo số 335/TB-VP ngày 07/4/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về kết luận của Thường trực UBND tỉnh Kiên Giang về việc điều chỉnh giảm diện tích thực hiện dự án Khu ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống Việt Anh tại Gành Dầu, Phú Quốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Anh Phú Quốc;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1233047401 do Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc cấp thay đổi lần thứ 02 ngày 10/8/2023;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-BQLKKTPO ngày 29/6/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc thành lập Hội đồng thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống Việt Anh thuộc Khu dân cư nông thôn và trung tâm xã Gành Dầu tại xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 23.912,09m²;

Căn cứ Biên bản họp số 111/BB-BQLKKTPO ngày 14/7/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc lấy ý kiến thẩm định Nhiệm vụ và Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống Việt Anh thuộc Khu dân cư nông thôn và Trung tâm xã Gành Dầu tại xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 23.912,09m²;

Căn Quyết định số 234/QĐ-BQLKKTPO ngày 21/9/2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống Việt Anh tại xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 23.912,09m²;

Căn cứ Công văn số 100/UBND ngày 01/11/2022 của UBND xã Gành Dầu về việc ý kiến đối với nội dung lập Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống Việt Anh tại xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang - quy mô khoảng 2,39ha;

Căn cứ Công văn số 31/PCCC ngày 15/6/2023 của Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh Kiên Giang về việc góp ý kiến về phòng cháy và chữa cháy đối với Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500;

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Anh Phú Quốc tại Tờ trình số 308/TTr-VAPQ, ngày 30/9/2023 về việc thẩm định, phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống Việt Anh thuộc Khu dân cư nông thôn và trung tâm xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang - quy mô 23.912,09m²; Báo cáo thẩm định, trình phê duyệt số 62/BC-QLQH, ngày 26/10/2023 của phòng Quản lý Quy hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống Việt Anh tại xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, quy mô 23.912,09m², với các nội dung cụ thể như sau:

1. Về quy mô diện tích và ranh giới lập Điều chỉnh quy hoạch:

Tổng diện tích khu đất lập Điều chỉnh quy hoạch khoảng 23.912,09m² tại xã Gành Dầu, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Phạm vi ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: Biển;
- Phía Tây và Đông giáp: Đất ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống theo QHPK 1/2000;
- Phía Nam giáp: Đường N3 theo QIIPK 1/2000.

2. Mục tiêu Điều chỉnh quy hoạch:

- Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống Việt Anh nhằm cụ thể hóa Điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu dân cư nông thôn và Trung tâm xã Gành Dầu đã được phê duyệt.

- Xác định tính chất, chức năng và quy mô của từng ô đất trong khu vực nghiên cứu lập quy hoạch với các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật phù hợp làm cơ sở cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng.

- Đưa ra các hình thức kiến trúc các công trình đặc trưng của Việt Nam phù hợp với điều kiện khí hậu của đảo.

- Xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật quy hoạch-xây dựng làm cơ sở cho việc lập dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

- Chủ động trong kế hoạch sử dụng đất, phân kỳ đầu tư và khai thác.

- Đảm bảo việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội phù hợp với các khu vực xung quanh.

- Dự báo và đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu và tránh tác động tiêu cực đến môi trường.

3. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Khu quy hoạch được xác định là khu ở, dịch vụ du lịch gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống của địa phương, với các chức năng chính như: nhà ở kết hợp dịch vụ du lịch, cây xanh, hạ tầng kỹ thuật,... đáp ứng nhu cầu ở cho người dân và tham quan làng nghề truyền thống cho du khách trong và ngoài nước.

4. Quy mô dân số:

- Dân số khoảng : 128 người.

- Khách tham quan khoảng : 50 người/ ngày.

- Nhân viên phục vụ khoảng : 32 người.

5. Cơ cấu sử dụng đất, chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:

- Mật độ xây dựng (*gộp*) toàn khu (*không tính diện tích chiếm đất cây xanh cảnh quan*): tối đa 15%.

- Tầng cao xây dựng: tối đa là 03 tầng.

- Hệ số sử dụng đất toàn khu (*không tính diện tích chiếm đất cây xanh cảnh quan*): tối đa là 0,45 lần.

5.2. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

5.2.1. Cấp nước:

- Sinh hoạt : 150 lít/người/ngày;

- Du lịch : 250 - 300 lít/người/ngày;

- Công trình công cộng : 2,0 lít/m² sàn/ngày;

- Tưới cây, công viên : 3,0 lít/m²/ngày;

- Rửa đường : 0,5 lít/m²/ngày;

- Chữa cháy : 15,0 lít/s, số đám cháy xảy ra đồng thời là 02 trong thời gian 03 giờ.

5.2.2. Cấp điện:

- Sinh hoạt : 1.500 kWh/người/năm;
- Du lịch : 3,5kW/giường/ngày;
- Công trình công cộng : 20 - 30W/m² sàn/ngày.

5.2.3. Thoát nước thải

: tối thiểu 80% tổng lưu lượng nước cấp cần xử lý.

5.2.4. Rác thải

- Sinh hoạt : 1,2kg/người/ngày;
- Du lịch : 2,0kg/người/ngày.

5.3. Cơ cấu sử dụng đất:

Tổng diện tích khu đất lập Điều chỉnh quy hoạch là 23.912,09m², được cơ cấu sử dụng như sau:

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m ² / người)
I	Đất ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống	17.675,86	73,92	138,09
1	Đất ở dịch vụ du lịch	14.546,67	60,83	113,65
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	516,51	2,16	4,04
3	Đất cây xanh	169,45	0,71	1,32
4	Đất giao thông	2.443,24	10,22	19,09
II	Đất cây xanh cảnh quan	6.236,23	26,08	
TỔNG		23.912,09	100,00	

6. Bộ cục phân khu chức năng và quy hoạch xây dựng công trình:

TT	Chức năng	Ký hiệu ô đất	Diện tích (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao xây dựng (tầng)	Hệ số sử dụng đất (lần)	Số công trình
I	Đất ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống	DVDL	17.675,86	15,00	3	0,45	18
1	Đất ở dịch vụ du lịch 1		5.542,98	17,22	2	0,43	6
		DV1.1	915,06	17,28	2	0,52	1

		DV1.2	925,17	17,09	2	0,51	1
		DV1.3	953,40	16,58	2	0,50	1
		DV1.4	1.031,46	15,51	2	0,31	1
		DV1.5	852,59	18,77	2	0,38	1
		DV1.6	865,30	18,49	2	0,37	1
2	Đất ở dịch vụ du lịch 2		4.619,23	17,20	2	0,45	5
		DV2.1	892,41	17,93	2	0,36	1
		DV2.2	1.032,35	15,50	2	0,31	1
		DV2.3	891,00	17,74	2	0,53	1
		DV2.4	906,84	17,43	2	0,52	1
		DV2.5	896,63	17,63	2	0,53	1
3	Đất ở dịch vụ du lịch 3		4.384,47	19,96	3	0,80	5
		DV3.1	850,00	18,60	3	0,74	1
		DV3.2	797,24	19,83	3	0,79	1
		DV3.3	794,06	19,91	3	0,80	1
		DV3.4	772,52	20,47	3	0,82	1
		DV3.5	1.170,65	20,73	3	0,83	1
4	Đất hạ tầng kỹ thuật		516,51	5,42	1	0,05	2
4.1	Khu xử lý nước thải	KT1	370,34	4,32	1	0,04	1
4.2	Khu kỹ thuật điện	KT2	146,17	8,21	1	0,08	1
5	Đất cây xanh	CX	169,45	-	-	-	-
6	Đất giao thông		2.443,24	-	-	-	-
II	Đất cây xanh cảnh quan	CXCQ	6.236,23	-	-	-	-
TỔNG			23.912,09	11,09	3	0,33	18

7. Quy hoạch không gian ngầm:

TT	Chức năng	Ký hiệu ô đất	Số tầng hầm	Diện tích sàn tầng hầm (m ²)	Ghi chú
I	Đất ở dịch vụ du lịch và làng nghề truyền thống				
1	Đất ở dịch vụ du lịch 1				
		DV1.1	1	158,10	

		DV1.2	1	158,10	
		DV1.3	1	158,10	
2	Đất ở dịch vụ du lịch 2				
		DV2.3	1	158,10	
		DV2.4	1	158,10	
		DV2.5	1	158,10	
3	Đất ở dịch vụ du lịch 3				
		DV3.1	1	158,10	
		DV3.2	1	158,10	
		DV3.3	1	158,10	
		DV3.4	1	158,10	
		DV3.5	1	242,62	
4	Đất hạ tầng kỹ thuật				
4.1	Khu xử lý nước thải	KT1	1	100,00	Bê ngậm
4.2	Khu kỹ thuật điện	KT2	-	-	
5	Đất cây xanh	CX	-	-	
6	Đất giao thông		-	-	
II	Đất cây xanh cảnh quan	CXCQ	-	-	
TỔNG				1.923,62	

8. Tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

8.1. Cơ cấu tổ chức không gian quy hoạch:

- Bố cục quy hoạch, tổ chức không gian cảnh quan khu quy hoạch phải đảm bảo phù hợp với định hướng Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng đảo Phú Quốc đến năm 2030 và Điều chỉnh Quy hoạch phân khu Khu dân cư nông thôn và Trung tâm xã Gành Dầu đã được phê duyệt.

- Bố cục quy hoạch các khu chức năng hợp lý, các công trình dịch vụ, cây xanh được bố trí đảm bảo bán kính phục vụ.

- Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan phù hợp với điều kiện địa hình và cảnh quan chung.

- Gắn kết mạng lưới hạ tầng kỹ thuật của khu vực nghiên cứu với mạng lưới chung của thành phố tạo thành một hệ thống hoàn chỉnh.

8.2. Các yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

- Các công trình phải đảm bảo được các tiêu chuẩn quy hoạch đã đề ra.

- Các công trình kiến trúc phải đảm bảo khoảng lùi, chỉ giới xây dựng, tầng cao, có mặt tiền thoáng đẹp, tạo cảnh quan chung cho toàn khu quy hoạch.

- Các công trình phải đảm bảo khoảng cách theo Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

- Các công trình công cộng phải đạt tiêu chuẩn, đảm bảo yêu cầu an toàn sử dụng.

- Các công trình dịch vụ ngoài trời phải đảm bảo thẩm mỹ, tiếng ồn, vệ sinh đối với các công trình bên cạnh.

- Các kiến trúc nhỏ (*các khối điêu khắc, đèn trang trí, bồn cây, bậc ngòi, thùng rác, biển hướng dẫn, quảng cáo,...*) tại các trục đường đi bộ, vườn hoa tiểu cảnh... yêu cầu mỹ thuật biểu trưng cho khu du lịch.

- Cây xanh cảnh quan dọc trục chính sử dụng các loại cây thân cao, ít lá không che chắn tầm nhìn, không gian cảnh quan chung.

- Cây, thảm cỏ trồng trong khuôn viên các công trình phải có hình thức trang trí đẹp, trồng tự nhiên hoặc trong bồn, các thảm cỏ lớn, các bể phun, các sân có mặt lát đẹp.

- Màu sắc của các công trình cần ưu tiên các loại màu sáng nhưng không gây chói, phản quang và hạn chế các mảng màu tối. Khuyến khích các giải pháp chiếu sáng vào ban đêm để tạo được đặc thù của khu quy hoạch.

- Các vườn dạo, cây xanh cảnh quan cần kết hợp nghiên cứu giữa các yếu tố cây xanh - mặt nước và chiếu sáng vào ban đêm để tăng tính hấp dẫn, sinh động cho khu quy hoạch.

9. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

9.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

9.1.1. Giao thông đối ngoại:

- Đường N3 (*ký hiệu mặt cắt 1-1*): Lộ giới rộng 16m, bao gồm mặt đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m, chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ 6m. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Đường Mũi Dương - Ba Hòn Dung (*ký hiệu mặt cắt 2-2*): Lộ giới rộng 6,5m, bao gồm mặt đường rộng 4,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m, chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ 3m.

9.1.2. Giao thông đối nội:

- Đường D1:

+ Đoạn có ký hiệu mặt cắt 3-3: Lộ giới rộng 10m, bao gồm mặt đường rộng 8m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

+ Đoạn có ký hiệu mặt cắt 4-4: Lộ giới rộng 6m, bao gồm mặt đường rộng 4m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

- Đường N1 (*ký hiệu mặt cắt 4-4*): Lộ giới rộng 6m, bao gồm mặt đường rộng 4m, vỉa hè mỗi bên rộng 1m. Kết cấu mặt đường bê tông xi măng.

9.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

9.2.1. Quy hoạch san nền:

- Giải pháp san nền: Việc san nền dựa trên điều kiện địa hình tự nhiên, tuân thủ cao độ nền khống chế theo Quy hoạch phân khu; đồng thời bám theo độ dốc thiết kế của các trục đường giao thông trong khu quy hoạch, đảm bảo việc thoát nước mặt một cách tốt nhất, không bị ngập úng.

- Khối lượng đào - đắp được thể hiện trên bản vẽ quy hoạch san nền.



9.2.2. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế, xây dựng tách riêng với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt. Nước mưa được thu gom bằng các tuyến cống nội bộ nằm dọc theo trục giao thông và đầu nối thoát nước vào các tuyến thoát nước chung của khu vực.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống thoát nước mưa.

9.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

- Hệ thống cấp nước cho dự án được đầu nối với hệ thống cấp nước chung của đảo nhằm đảm bảo nguồn cấp nước ổn định và lâu dài.

- Tổng nhu cầu dùng nước khoảng $112,17\text{m}^3/\text{ngày}$ (chưa bao gồm lượng nước cấp cho chữa cháy).

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống cấp nước.

9.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện và chiếu sáng:

- Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch được lấy từ hệ thống cấp điện chung của đảo Phú Quốc, được đầu nối trên tuyến trung thế chung của khu vực.

- Toàn bộ hệ thống cấp điện được thiết kế và xây dựng ngầm.

- Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng: $392,8\text{kVA}/\text{ngày}$.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng.

9.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

9.5.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải phải được xử lý cục bộ tại các công trình bằng bể tự hoại trước khi thoát ra các tuyến cống thu gom để dẫn về khu xử lý nước thải chung của khu vực xử lý. Xây dựng trạm xử lý nước thải cục bộ cho khu quy hoạch nhằm đảm bảo nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường hoặc tận dụng, phục vụ công tác tưới cây, rửa đường.

- Tổng lưu lượng nước thải khu quy hoạch khoảng $31,40\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Khối lượng vật tư chủ yếu và giải pháp thiết kế được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường.

9.5.2. Vệ sinh môi trường:

Tổng khối lượng rác thải khoảng $292\text{kg}/\text{ngày}$. Rác thải được phân loại tại nguồn và thu gom hàng ngày, tập kết tại trạm thu gom rác tập trung của khu quy hoạch và được vận chuyển về khu xử lý rác thải chung của đảo để xử lý.

Điều 2. Giao Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Anh Phú Quốc có trách nhiệm liên hệ Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc cùng các Sở, ngành có liên quan:

- Hoàn chỉnh hồ sơ theo các nội dung nêu trên; Tổ chức công bố, công khai Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết thực hiện và giám sát thực hiện; tiến hành cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa

- Triển khai các công tác: Lập (hoặc điều chỉnh nếu có) dự án đầu tư xây dựng, thu hồi và giao đất hoặc cho thuê đất, xác định lại nghĩa vụ tài chính, báo cáo đánh giá tác động môi trường, xin cấp giấy phép xây dựng theo quy định của luật hiện hành.

- Quy định quản lý theo Đồ án Điều chỉnh quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Phòng chuyên môn thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc, UBND thành phố Phú Quốc, người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Anh Phú Quốc cùng các Sở, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 67/QĐ-BQLPTPQ ngày 25/6/2014 của Ban Quản lý đầu tư phát triển đảo Phú Quốc (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Quốc)./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Ban;
- LĐ. các phòng chuyên môn BQL;
- Lưu: VT, Phòng QLQH, nvhung. *mep*

Caiquil

K.T. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Võ Công Sơn

ỐC T. KIÊN